

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/DS-ST

Ngày: 15-4-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Phong
- Ông Nguyễn Văn Khoa

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-DS ngày 15/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-DS ngày 28/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Minh V, sinh năm 1976. Địa chỉ: 25/5 ấp TM, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Minh V: Bà Đào Hồng V1, sinh năm 1966. Địa chỉ: 88/3 ấp AB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Tô Văn C, sinh năm 1965, bà Đặng Thị X, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ: 17/1 ấp AK, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre. Ông C và bà X vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Phạm Minh V uỷ quyền cho bà Đào Hồng V1 trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2018, ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X có mua thức ăn của ông Phạm Minh V để về nuôi tôm và còn nợ ông Phạm Minh V số tiền 20.000.000 đồng. Đến năm 2020, bà X có ký giấy nhận nợ với ông Phạm Minh V. Sau đó ông Phạm Minh V có nhiều lần yêu cầu ông C, bà X trả cho ông Phạm Minh

V số tiền nêu trên nhưng từ đó đến nay ông C, bà X không có trả cho ông Phạm Minh V khoản tiền nào. Nay ông Phạm Minh V yêu cầu Tòa án buộc ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X phải liên đới trách nhiệm trả cho ông Phạm Minh V số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/10/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể: 20.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng 09 ngày = 1.045.800 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi ông C và bà X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V là 21.045.800 đồng.

Bị đơn Tô Văn C và Đặng Thị X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tổng đạt hợp lệ, trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C, bà X vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Ông V khởi kiện yêu cầu ông C và bà X liên đới thanh toán cho ông 20.000.000 đồng tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và 1.062.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 06/10/2023 đến ngày 15/4/2024 với lãi suất 0.83%/tháng là có căn cứ chấp nhận. Bởi, theo biên nhận nợ ngày 24/10/2020 (BL: 07) nguyên đơn ông V cung cấp cho Tòa án thể hiện ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X còn nợ ông Phạm Minh V 20.000.000 đồng, bà Đặng Thị X có ký tên. Ông V đã giao biên nhận nợ cho ông C và bà X theo phiếu báo phát ngày 13/10/2023 (BL: 09). Tòa án nhiều lần triệu tập họp lệ nhưng ông C và bà X không tham gia tố tụng. Mặc dù, biên nhận nợ không thể hiện khoản nợ là gì nhưng nguyên đơn xác nhận đây là tiền nợ thức ăn nuôi tôm, bị đơn nhận được biên nhận nhưng không ý kiến phản đối, nên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi giao kết hợp đồng các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng mua bán có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Việc ông C và bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V. Do đó, ông C và bà X có nghĩa vụ trả khoản nợ gốc 20.000.000 đồng và 1.062.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 06/10/2023 đến ngày 15/4/2024 với lãi suất 0.83%/tháng cho ông V.

Theo Công văn số 154/UBND-TP ngày 08/3/2024 của UBND xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú xác nhận (BL: 29): qua kiểm tra sổ lưu đăng ký kết hôn từ năm

2002 đến nay không có tên ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X trong sổ bộ lưu tại UBND xã Mỹ An, huyện Thanh Phú. Do đó, ông C và bà X không phải là vợ chồng nên không liên đới thanh toán nợ theo quy định tại Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông C và bà X cùng mua thức ăn nuôi tôm, nên ông bà có nghĩa vụ cùng liên đới trả khoản nợ trên cho ông V theo Điều 288 Bộ luật dân sự. Ông V tự nguyện rút một phần yêu cầu tính lãi. Nên căn cứ vào Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông C và bà X liên đới thanh toán cho ông V tiền lãi tính từ ngày 24/11/2020 đến ngày 06/10/2023 với lãi suất 0.83%/tháng.

Từ những phân tích trên căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và 217 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 288, 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh V, buộc ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X liên đới thanh toán cho ông V 20.000.000 đồng tiền vốn gốc và 1.045.800 đồng tiền lãi tính từ ngày 06/10/2023 đến ngày 15/4/2024 với lãi suất 0.83%/tháng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông C và bà X liên đới thanh toán cho ông V tiền lãi tính từ ngày 24/11/2020 đến ngày 06/10/2023 với lãi suất 0.83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Tô Văn C, sinh năm 1965, bà Đặng Thị X, sinh năm 1967 có cùng đăng ký thường trú và có mặt tại địa chỉ: 17/1 ấp An Khương, xã Mỹ An, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt; Bị đơn Tô Văn C và Đặng Thị X đã được toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: ông Phạm Minh V yêu cầu Tòa án buộc ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Minh V số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 06/10/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng, cụ thể: 20.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng 09 ngày = 1.045.800 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi ông C và bà X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V là 21.045.800 đồng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Phạm Minh V và ông Tô Văn C, bà Đặng Thị X được xác lập trên cơ sở tự

nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Bị đơn Tô Văn C và Đặng Thị X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà X và ông C vẫn vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Do đó tài liệu là Bản chính Biên nhận ngày 23/11/2020 do nguyên đơn cung cấp được xác định là chứng cứ để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Công văn số 154/UBND-TP ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú có nội dung: “...qua kiểm tra sổ lưu đăng ký kết hôn từ năm 2002 đến nay không có tên ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X trong sổ bộ lưu tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú...”. Do đó, ông C và bà X không phải là vợ chồng nên không liên đới nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông C và bà X cùng mua thức ăn nuôi tôm, nên phải có nghĩa vụ liên đới trả khoản nợ nêu trên cho ông V theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích nêu trên có cơ sở xác định hiện nay ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X còn nợ ông Phạm Minh V số tiền 20.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó việc ông Phạm Minh V yêu cầu ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Minh V số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh tính từ ngày 06/10/2023 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền gốc và lãi ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Minh V được tính như sau: 20.000.000 đồng + 20.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng 09 ngày = 21.045.800 đồng.

[6] Ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: $5\% \times 21.045.800 \text{ đồng} = 1.052.290 \text{ đồng}$.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh V đối với số tiền lãi là 5.788.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh V. Buộc Ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Minh V số tiền 21.045.800 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tô Văn C và bà Đặng Thị X có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 1.052.290 đồng.

Ông Phạm Minh V được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 645.000 đồng theo biên lai thu số 0000265 ngày 03 tháng 11 năm 2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- THADS huyện Thanh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Tô

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Mơ-Nguyễn Văn Chót

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG KIỂM TRA RIÊN TÒA

Nguyễn Thật Thị Vân

